

TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ 734

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 08/CV-CTY734

Đắk Mar, ngày 26 tháng 6 năm 2025

V/v công bố thông tin doanh nghiệp
theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Tổng công ty Cà phê Việt Nam

Thực hiện quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp (Nghị định 47).

Thực hiện Công văn số 153/TCT-VP, ngày 25/02/2025 của Tổng công ty Cà phê Việt Nam về công bố thông tin doanh nghiệp năm 2024-2025.

Công ty TNHH MTV Cà phê 734 báo cáo công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp theo quy định, như sau:

- Báo cáo mục tiêu tổng quát, kế hoạch kinh doanh năm 2024 (Biểu số 2, Phụ lục II của Nghị định 47)

- Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính năm 2024

- Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (Biểu số 3, Phụ lục II của Nghị định 47)

- Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2024 (Biểu số 6, Phụ lục II của Nghị định 47)

Có các báo cáo kèm theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ 734



CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC
Hoàng Lưu Duy

**Biểu số 2: BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH
NĂM 2025**

**CÔNG TY TNHH MTV
CÀ PHÊ 734**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6100104772

Đăk Mar, ngày 26 tháng 6 năm 2025

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính		
a)	Cà phê nhân xô	Tấn	622
b)	Thóc khô	Tấn	2.288
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	87,5
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,9
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,9
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	Theo QĐ
7	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	10,378
8	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	...
9	Các chỉ tiêu khác	Tỷ đồng	...

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm (tên dự án nhóm B trở lên, nguồn vốn, tổng mức đầu tư...)

- Nông nghiệp: Đầu tư chăm sóc năm 1 diện tích 42,35 ha, chăm sóc năm 2 diện tích 4,05 ha, trồng mới 39,38 ha với tổng mức đầu tư 7,178 tỷ đồng. Nguồn vốn từ huy động khác.

- Đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng sân phơi cà phê và mua máy móc sản xuất với tổng mức đầu tư 3,2 tỷ đồng. Nguồn vốn từ huy động khác.

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

**CÔNG TY TNHH MTV CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÀ PHÊ 734** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6100104772

Đăk Mar, ngày 26 tháng 6 năm 2025

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH
DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Cà phê nhân xô	Tấn	728	728	
b)	Thóc khô	Tấn	445	445	
2	Tổng doanh thu	Trđ	25.000	48.383	
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	800	1.224	
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	800	1.224	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Trđ	Theo QĐ	382	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Nếu có)	Trđ			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người		616	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng		32.500	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng		466	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng		32.034	

310
ONG
CHN
UHN
HAN
CÀ PH
734
CÓI
CÀ PH
STN
4-T.V

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
	Dự án quan trọng quốc gia						
	Dự án nhóm A						
	Dự án nhóm B						

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	<i>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</i>									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	<i>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									



**Biểu số 6: BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA
DOANH NGHIỆP NĂM 2024**

**CÔNG TY TNHH MTV
CÀ PHÊ 734**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6100104772

Đắk Mar, ngày 26 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin chung.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu: **TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM**

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

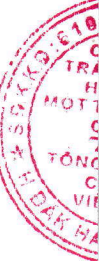
Thống kê các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Bảng số 1.

**BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
CHỦ SỞ HỮU**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	31/QĐ-HĐTV	08/03/2024	QĐ: V/v giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2024
2	32/QĐ-TCT-TCCB	08/03/2024	QĐ: V/v giao quỹ tiền lương thực hiện năm 2023
3	85/QĐ-TCT-VP	22/04/2024	QĐ: Thành lập Ban chỉ đạo thường trực phòng chống khủng bố TCT
4	86/QĐ-HĐTV	24/04/2024	QĐ: Ban hành kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống khủng bố năm 2024 của TCT Cà phê Việt Nam
5	87/QĐ-TCT-TCCB	25/04/2024	QĐ: V/v bổ nhiệm phó trưởng ban kỹ thuật SX TCT Cà phê VN
6	89/QĐ-TCT-TCCB	25/04/2024	QĐ: V/v điều động cán bộ
7	105/QĐ-TCT-TCCB	06/05/2024	QĐ: V/v kiện toàn nhân sự Ban pháp chế và Kiểm soát nội bộ TCT Cà phê VN
8	106/QĐ-TCT-TCCB	06/05/2024	QĐ: V/v kiện toàn nhân sự Ban kỹ thuật SX TCT Cà phê VN
9	107/QĐ-TCT-TCCB	06/05/2024	QĐ: V/v kiện toàn nhân sự Ban Kế hoạch tổng hợp TCT Cà phê VN
10	108/QĐ-TCT-TCCB	06/05/2024	QĐ: V/v điều động nhân sự
11	109/QĐ-TCT-TCCB	06/05/2024	QĐ: V/v điều động nhân sự
12	110/QĐ-TCT-TCCB	06/05/2024	QĐ: V/v điều động nhân sự



13	111/QĐ-TCCB	09/05/2024	QĐ: V/v thành lập tổ chuyên môn của TCT thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ phần mềm thuộc dự án đầu tư " Thực hiện ứng dụng số hóa vùng trồng"
14	112/QĐ-TCT-TCCB	10/05/2024	QĐ: V/v tiếp nhận nhân sự
15	120/QĐ-TCT-TCCB	22/05/2024	QĐ: V/v thành lập ban chỉ đạo và Tổ giúp việc triển khai xây dựng, áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của TCT Cà phê VN
16	136/QĐ-HĐTV	10/06/2024	QĐ: V/v phê duyệt dự toán chi phí đầu tư cho 01 ha cà phê vối tái canh năm 2024
17	141/QĐ-TCT-HĐTV	13/06/2024	QĐ: V/v thành lập ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo triển khai quản lý vùng trồng, xử lý thu hồi công nợ tồn đọng và sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên TCT Cà phê VN
18	157/QĐ-TCT-TCCB	01/07/2024	QĐ: V/v điều động cán bộ
19	192/QĐ-HĐTV	30/08/2024	QĐ: V/v Thành lập Đoàn giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ năm 2024
20	205/QĐ-TCT-TCCB	16/09/2024	QĐ: V/v điều động và bố trí nhân sự
21	208/TCT-HDDTV/QĐ	16/09/2024	QĐ: V/v kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo và tố giác tội phạm đối với nguyên lãnh đạo cán bộ tại Vinacafe 734
22	227/QĐ-TCT-TCCB	09/10/2024	QĐ: Ban hành hệ thống Quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của TCT Cà phê Việt Nam
23	232/QĐ-TCT-TCCB	11/10/2024	QĐ: Ban hành Quy chế quản lý cán bộ của TCT Cà phê Việt Nam
24	250/QĐ-TCT-TCCB	25/10/2024	QĐ: V/v sửa đổi phụ lục số 01 Quy chế quản lý cán bộ ban hành kèm theo Quyết định số 232/QĐ-TCT-TCCB ngày 11/10/2024 của Hội đồng thành viên TCT Cà phê Việt Nam
25	261/QĐ-TCT-TCCB	01/11/2024	QĐ: V/v ban hành Quy chế Thi đua-khen thưởng của TCT Cà phê Việt Nam
26	285/QĐ-TCT-TCCB	25/11/2024	QĐ: V/v ban hành quy chế trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với KSV tại Công ty TNHH MTV do TCT Cà phê Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ
27	323/QĐ-TCT-HĐTV	24/12/2024	QĐ: Về việc ban hành Quy chế quản lý thương hiệu, nhãn hiệu của TCT Cà phê Việt Nam



II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
1	Hoàng Tư Duy	03/05/1975	Kỹ sư lâm nghiệp	<p>- Từ tháng 8/2000 đến tháng 12/2002: Cán bộ kỹ thuật – Đội trưởng đội sản xuất – Nông trường Cà phê IaBlan - Từ tháng 1/2003 đến tháng 3/2004: Cán bộ kỹ thuật phòng Kế hoạch sản xuất Nông trường Cà phê IaBlan</p> <p>- Từ tháng 4/2004 đến tháng 11/2007: Đảng uỷ viên, Cán bộ kỹ thuật phòng Kế hoạch sản xuất. Bí thư đoàn cơ sở Nông trường Cà phê IaBlan.</p> <p>- Từ tháng 12/2007 đến tháng 6/2010: Đảng uỷ viên, Cán bộ kỹ thuật phòng Kế hoạch sản xuất. Bí thư đoàn cơ sở Công ty Cà phê IaBlan.</p> <p>- Từ tháng 7/2020 đến tháng 11/2012: Đảng uỷ viên – Kiểm soát viên - Bí thư đoàn cơ sở Công ty TNHH MTV Cà phê IaBlan.</p> <p>- Từ tháng 12/2012 đến tháng 5/2014: Đảng uỷ viên – Kiểm soát viên – Phó phòng Nông nghiệp - Bí thư đoàn cơ sở Công ty TNHH MTV Cà phê IaBlan/</p> <p>- Từ tháng 6/2014 đến tháng 01/2019: Đảng uỷ viên - Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cà phê IaBlan. kiêm nhiệm chức trách, nhiệm vụ của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cà phê 705.</p> <p>- Từ tháng 2/2019 đến tháng 5/2019: Đảng uỷ viên – Quyền chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cà phê IaBlan. - Từ tháng 6/2019 đến tháng 5/2020: Phó bí thư Đảng bộ, Quyền chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cà phê IaBlan.</p> <p>- Từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2021: Bí thư Đảng bộ, Quyền chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cà phê IaBlan.</p> <p>- Từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023: Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch kiêm Giám đốc</p>

				Công ty TNHH MTV Cà phê IaBlau, Xã IaTô – IaGrai – Gia Lai. - Từ tháng 01/2024 đến nay: Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cà phê 734, Xã Đăk Mar – Đăk Hà – Kon Tum.
2	Lê Hoàng Thạch	19/05/1989	Đại học kế toán	- Từ tháng 9/2012 đến tháng 2/2016: Nhân viên phòng Kế hoạch – Nông nghiệp, Công ty TNHH MTV cà phê 734. - Từ tháng 2/2016 đến tháng 10/2024: Trưởng phòng Kế hoạch – Nông nghiệp, Công ty TNHH MTV cà phê 734. - Từ tháng 11/2024 đến nay: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Cà phê 734

BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số	Tiền lương/năm	Tiền thưởng, thu nhập khác
1	Hoàng Tư Duy	Chủ tịch kiêm Giám đốc	6.31	202.932.300	15.700.000
2	Lê Hoàng Thạch	Phó Giám đốc	5.32	38.937.600	13.380.000

3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	233/QĐ-CTY734	28/03/2024	QĐ: Thành lập Đại diện tập thể lao động tham gia đối thoại định kỳ năm 2024
2	234/QĐ-CTY734	28/03/2024	QĐ: Thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật năm 2024
3	235/QĐ-CTY734	28/03/2024	QĐ: Thành lập Hội đồng giám sát chất lượng sản phẩm năm 2024
4	239/QĐ-CTY734	13/05/2024	QĐ: V/v ban hành nội quy lao động
5	245A/QĐ-CT734	25/6/2024	QĐ: V/v thành lập tổ giúp việc xử lý, thu hồi công nợ tồn đọng
6	245B/QĐ-CT735	25/6/2024	QĐ: V/v thành lập Tổ giúp việc quản lý vùng trồng

7	245C/QĐ-CT736	25/6/2024	QĐ: V/v thành lập tổ giúp việc sắp xếp, tái cơ cấu công ty
8	246/QĐ-CTY734	08/07/2024	QĐ: V/v cử cán bộ đi học lớp Trung cấp lý luận chính trị K104, hệ không tập trung, khóa học 2024-2025
9	247/QĐ-CT734	30/07/2024	V/v áp dụng tiền lương cơ sở 2024
10	248/QĐ-CT734	09/08/2024	V/v thành lập Tổ hỗ trợ, giúp việc thôn Đăk Kang Yôp xã Đăk Hring
11	249/QĐ-CT734	15/08/2024	V/v cử Đoàn đi tập huấn tại Vinacafe Việt Đức
12	250/QĐ-CT734	12/08/2024	V/v thành lập Tổ thu thập, xác minh thông tin theo công văn 393 của TCT
13	253/QĐ-CT734	12/09/2024	V/v thành lập Tổ thu thập, xác minh thông tin theo công văn 794 của TCT
14	263/QĐ-CT734	01/11/2024	QĐ: V/v thành lập Tổ quản lý, bảo vệ sản phẩm
15	264/QĐ-CT734	01/11/2024	QĐ: V/v thành lập Tổ cân cà phê quả tươi
16	265/QĐ-CT734	01/11/2024	QĐ: V/v thành lập Tổ chế biến sản phẩm
17	267/QĐ-CT734	14/10/2024	QĐ: V/v bổ sung nội dung vào quy chế quản lý Tài chính- Kế toán
18	273/QĐ-CT734	30/12/2024	QĐ: V/v thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản

III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phan Xuân Nguyên	07/01/1976	Cư nhân Kinh tế	Kiểm soát viên	01/08/2019	100%

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

- Báo cáo số 01/BC-KSV V/v báo cáo kết quả hoạt động BKS/KSV, việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các Quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo năm 2023

- Báo cáo số 02/BC-KSV "V/v Báo cáo việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo nghị định 49/2014/NĐ-CP quý I năm 2024"

- Báo cáo số: 03-BC/KSV V/v Báo cáo giám sát của Kiểm soát viên năm 2023, quý I năm 2024

- Báo cáo BC-KSV kết quả thực hiện chương trình công tác năm 2023 của kiểm soát viên công ty TNHH MTV cà phê 734

- Báo cáo số: 04-BC/KSV V/v Báo sơ kết công tác 06 tháng đầu năm và phương

hướng kế hoạch 06 cuối năm 2024

- Báo cáo số: 05 /BC-KSV V/v Báo cáo việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo nghị định 49/2014/NĐ-CP quý II năm 2024

- Báo cáo số: 06 /BC-CT V/v giải trình Đơn tố cáo đối với Nguyên Chủ tịch kiêm giám đốc Vinacafe 734

- Báo cáo số: 07/BC-KSVV/v Báo cáo kết quả hoạt động Quý 3/2024 và dự kiến kế hoạch công tác Quý 4/2024.

IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA

1. Nội dung kết luận, kiến nghị đã thực hiện

- Đối với diện tích 88,4 ha tại thị trấn Đăk Hà: Công ty đã hoàn thiện các thủ tục thu hồi và đã được UBND tỉnh thu hồi theo quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Cà phê 734 và bàn giao đất về cho UBND thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, quản lý theo quy định (Có Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 kèm theo).

- Kiểm tra, rà soát lại các diện tích công ty đề nghị giữ lại quản lý, sử dụng: Công ty đã xây dựng phương án sử dụng đất năm 2016 và đã được UBND tỉnh Kon Tum chấp thuận theo quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cà phê 734 – Tổng Công ty Cà phê Việt Nam khi chuyển sang công ty cổ phần, Diện tích đất công ty đề nghị giữ lại để tiếp tục sử dụng là: 732,3660 ha. (Có Quyết định số 803 kèm theo).

- Trong kỳ công ty đã được Cục thuế tỉnh Kon Tum thanh tra thuế và ra Quyết định xử phạt số 975/QĐ-XPHC ngày 7/8/2024 với số tiền là 8.931.783 (đ). Công ty đã nộp đầy đủ khoản tiền này vào NSNN.

2. Kết quả thực hiện kiểm điểm, xử lý/đề nghị xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan qua các thời kỳ về những thiếu sót, tồn tại, vi phạm của Công ty đã được nêu trong Kết luận 04/KL-TTr ngày 11 tháng 03 năm 2022 của Chánh thanh tra tỉnh Kon Tum và các Phụ lục kèm theo: Công ty đã thực hiện kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân theo biên bản ngày 07/08/2024 (Có biên bản kèm theo).

3. Kết quả thực hiện Kết luận thanh tra số 402/KLTT-TTTP ngày 30/10/2024 của Thanh tra Chính phủ về việc thanh tra toàn diện công tác quản lý, sử dụng đất đai tại các Công ty cà phê thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên (văn bản Tối mật);

Công ty hiện đang quản lý và sử dụng 137,9 ha đất tại xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô. Diện tích đất này được UBND tỉnh Kon Tum cho thuê theo quyết định số 44/QĐ-UB ngày 11/4/2001 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Nông trường Đăk Uy IV thuê đất để sử dụng vào mục đích trồng cà phê. Diện tích 137,9 ha này công ty vẫn nộp thuế tiền thuê đất hàng năm. Đối với diện tích đất này, công ty xin báo cáo như sau:

- Đối với diện tích 61,8325 ha UBND huyện Đăk Tô đã tham mưu UBND tỉnh Kon Tum thu hồi và cấp đất, Giấy CNQSD đất cho các hộ dân. Diện tích này đã được liên ngành rà soát, bóc tách theo Biên bản làm việc ngày 06/8/2010 (Có Biên bản kèm theo) nhưng chưa có Quyết định thu hồi đất,

Công ty TNHH MTV Cà phê 734 đã làm việc với Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Đắk Tô và Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Hoàng Nguyên đã đo đạc, bóc tách diện tích đất này và đề nghị UBND tỉnh thu hồi. Tuy nhiên Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Hoàng Nguyên xây dựng phương án đo đạc với kinh phí 311.427.000 đồng (Ba trăm mười một triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng), Công ty TNHH MTV cà phê 734 không có nguồn để thực hiện đo đạc và đã có báo cáo với UBND tỉnh và Tổng Công ty Cà phê Việt Nam về kinh phí này.

- Đối với số diện tích còn lại 76,07 ha Công ty đã làm tờ trình số đề nghị bàn giao và diện tích đất này đã được UBND tỉnh thống nhất cho bàn giao về địa phương theo Quyết định 803/QĐ-UBND ngày 25/7/2016.

Tuy nhiên UBND huyện Đắk Tô yêu cầu Công ty phải có biện pháp xử lý tài sản trên đất. (Có biên bản làm việc ngày 15/3/2025 kèm theo).

Công ty đã có báo cáo UBND tỉnh và Tổng Công ty Cà phê Việt Nam theo tờ trình số 04, 05/TTr-CT ngày 02/4/2025 của Công ty TNHH MTV Cà phê 734 về việc đề nghị thực hiện bàn giao đất về địa phương quản lý sử dụng, đối với diện tích này, Và công ty có ý kiến đối với diện tích đất này như sau: Công ty có 88,4 ha ở thị trấn Đắk Hà đã được UBND tỉnh Kon Tum đồng ý cho bàn giao về địa phương theo Quyết định 803/QĐ-UBND và đã được thu hồi theo quyết định số 355/QĐ-UBND. Trên diện tích đất này có tài sản vườn cây cà phê là của các hộ dân (UBND huyện Đắk Hà không yêu cầu xử lý tài sản trên đất để thực hiện thu hồi). Theo đó diện tích 76,07 ha tại Ngọc Tụ, Đắk Tô có nguồn gốc và hiện trạng sử dụng như 88,4 ha tại thị trấn Đắk Hà.

V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN: Không.

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động sử dụng bình quân của Công ty: 616 người
- Mức lương bình quân : 66.000.000 đồng/ người/ năm



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
A	Tài sản ngắn hạn	52.217	39.989
I	Tiền & các khoản tương đương tiền	302	290
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	31.416	38.947
IV	Hàng tồn kho	19.762	41
V	Tài sản ngắn hạn khác	737	711
B	Tài sản dài hạn	72.045	65.775
I	Các khoản phải thu dài hạn		
II	Tài sản cố định	31.533	33.314
1	Nguyên giá	55.745	55.415
2	Giá trị hao mòn lũy kế	24.212	22.101
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	40.469	29.280
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
VI	Tài sản dài hạn khác	43	3.181
...	...		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	124.262	105.764
C	Nợ phải trả	143.228	125.954
I	Nợ ngắn hạn	143.228	125.954
II	Nợ dài hạn		
D	Vốn chủ sở hữu	- 18.966	- 20.190
I	Vốn chủ sở hữu		
1	Vốn góp của chủ sở hữu	6.213	6.213
2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	16.479	16.479
3	Quỹ đầu tư phát triển	333	334
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.425	1.425
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	- 43.566	- 44.791
6	Nguồn vốn đầu tư XD CB	150	150
7	...		
8	...		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	124.262	105.764

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.383	23.655
2	Các khoản giảm trừ	-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	48.383	23.655
4	Giá vốn hàng bán	31.308	14.995
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV	17.075	8.660
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.158	867
7	Chi phí tài chính	9.909	2.666
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.148	4.386
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	176	2.475
11	Thu nhập khác	1.093	287
12	Chi phí khác	45	326
13	Lợi nhuận khác	1.048	39
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.224	2.436
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.224	2.436

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Ghi chú
1	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	58%	
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	42%	
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	115%	
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	-15%	
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	0,36	
	Khả năng thanh toán (Tổng TS/Nợ phải trả)	0,87	
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	0,01	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	0,02	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH (%)	-0,06	